

Số: 855 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 18 tháng 5 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chung thị trấn  
Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2035**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

Căn cứ Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định 72/2019/NĐ-CD ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc cho phép lập đồ án Quy hoạch chung thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2035;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 155/TTr-SXD ngày 28 tháng 4 năm 2022,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chung thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2035, với những nội dung cụ thể như sau:

**1. Tên đồ án:** Quy hoạch chung thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2035.

**2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch:** UBND huyện Thuận Châu.

**3. Phạm vi ranh giới, quy mô nghiên cứu quy hoạch**

3.1. Vị trí: Khu vực lập quy hoạch chung bao gồm toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Thuận Châu hiện nay, một phần xã Chiềng Ly và xã Phồng Lăng, 

ranh giới được xác định như sau:

- Phía Đông giáp xã Thôn Mòn;
- Phía Tây giáp xã Phổng Lăng;
- Phía Nam giáp xã Chiềng Bôm và xã Púng Tra;
- Phía Bắc giáp xã Chiềng Ly và xã Tông Lạnh.

### *3.2. Quy mô lập quy hoạch:*

- Quy mô diện tích: Quy mô nghiên cứu lập quy hoạch chung thị trấn Thuận Châu sẽ bao gồm phần diện tích theo ranh giới hành chính hiện tại và phần diện tích mở rộng tại xã Chiềng Ly và xã Phổng Lăng tổng diện tích nghiên cứu khoảng: 1.820 ha. Trong đó:

- + Diện tích của thị trấn Thuận Châu là 121,6ha;
- + Diện tích mở rộng thuộc xã Chiềng Ly khoảng 1.500 ha;
- + Diện tích mở rộng thuộc xã Phổng Lăng khoảng 198,4 ha.

- Quy mô dân số:

- + Dự báo đến năm 2025 khoảng 16.000 người
- + Dự báo đến năm 2035 khoảng 20.000 người.

### **4. Thời hạn lập quy hoạch: Đến năm 2035**

### **5. Mục tiêu, tính chất, chức năng khu vực lập quy hoạch**

#### *5.1. Mục tiêu*

Nhằm xây dựng đô thị phát triển toàn diện, cân bằng và bền vững, các mục tiêu được hướng tới gồm:

- Cụ thể hóa định hướng quy hoạch tỉnh về không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, phân bổ đất đai, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên cơ sở kết nối quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch ngành lĩnh vực khác.

- Thúc đẩy quá trình đô thị hóa, tạo động lực thúc đẩy phát triển đô thị gắn với tuyến giao thông giữa các tỉnh; tạo nguồn lực phát triển kinh tế cho huyện Thuận Châu về thu hút đầu tư, thương mại dịch vụ,...;

- Làm cơ sở pháp lý cho việc lập các đồ án quy hoạch chi tiết, quản lý đô thị, lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong đô thị; phòng ngừa, ngăn chặn, giảm thiểu các tác động tiêu cực, ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an sinh xã hội của quá trình phát triển đô thị.

#### *5.2. Tính chất đô thị*

- Là trung tâm hành chính - chính trị, văn hóa, giáo dục và y tế văn minh hiện đại của huyện Thuận Châu; là đô thị động lực với hạ tầng kỹ thuật hiện đại theo hướng bền vững và hòa nhập với môi trường, tạo dựng những giá trị cảnh quan

đặc trưng cho khu vực.

- Là đầu mối giao thông quan trọng cửa ngõ phía Tây Bắc của tỉnh, có vị trí và ý nghĩa chiến lược quan trọng về an ninh quốc phòng.
- Là trung tâm thương mại - dịch vụ và du lịch cửa ngõ Tây Bắc của Sơn La kết nối giao thương kinh tế với các tỉnh lân cận.
- Là động lực thu hút đầu tư phát triển kinh tế của huyện gắn với phát triển mô hình đô thị hiện đại kết hợp thương mại, dịch vụ, thể thao, vui chơi, giải trí.

## 6. Yêu cầu nghiên cứu quy hoạch

### 6.1. Phân tích đánh giá hiện trạng khu vực lập quy hoạch và xác định quy mô phát triển

- Thu thập số liệu, phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, dân số, hiện trạng sử dụng đất, không gian đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường.
- Đánh giá công tác quản lý, thực hiện theo các đồ án đã được phê duyệt.
- Nhận xét, đánh giá tổng hợp; các định vấn đề cơ bản cần giải quyết.
- Xác định mục tiêu, tính chất động lực phát triển đô thị;
- Xác định các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đối với đô thị và từng khu vực chức năng.
- Dự báo tác động của điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, phát triển đô thị, tỷ lệ đô thị hóa; quy mô dân số, đất đai, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cho đô thị và các khu chức năng.

- Lập các phương án cơ cấu quy hoạch
- Nêu các luận cứ để xác định phương án tối ưu.
- Nêu rõ ý đồ về cơ cấu, tổ chức của phương án được chọn lựa trên các mặt: Nguyên tắc tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và phân khu chức năng, mối liên hệ về kiến trúc cảnh quan, kinh tế xã hội giữa khu vực nghiên cứu lập quy hoạch và các khu vực khác ngoài phạm vi lập quy hoạch.

### 6.2. Định hướng phát triển không gian đô thị

- Xác định cấu trúc và hướng phát triển đô thị (*khu đô thị hiện hữu và khu đô thị mới*); Xác định hệ thống trung tâm, công viên, hành lang cây xanh và không gian mở, quảng trường trung tâm cấp đô thị;
- Xác định các vùng kiến trúc cảnh quan trong đô thị, đề xuất tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan, các trục không gian chính, quảng trường, cửa ngõ đô thị, điểm nhấn trong đô thị.
- Xác định mối liên hệ giữa không gian đô thị cũ và khu vực mở rộng.
- Định hướng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại, văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, đào tạo; hệ thống xây xanh, quảng trường đô thị.
- Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị trên cơ sở khai thác, tận dụng, phát

huy các tiềm năng, lợi thế, hệ sinh thái và cảnh quan tự nhiên, đặc điểm hiện trạng, lịch sử và địa lý tự nhiên, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất, đời sống xã hội, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, bảo vệ môi trường, đạt hiệu quả về kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng, tổ chức không gian kiến trúc tạo không gian cảnh quan đô thị sinh động, xây dựng cải tạo đô thị phát triển hài hòa gắn với tự nhiên, thân thiện môi trường.

- Cân kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế, xã hội và kinh tế, xã hội với quốc phòng, an ninh; trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng, chú trọng việc “ngầm hóa” các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi, ....; giới hạn độ cao tĩnh không đối với khu vực liên quan đến nhiệm vụ quốc phòng để phát huy tính lưỡng dụng. Tập dụng địa thế địa hình đồi, núi tự nhiên để quy hoạch đô thị hợp lý, tránh việc san lấp các điểm cao tự nhiên tạo mảnh bằng đồng mức, tác động không có lợi cho hoạt động quân sự; không quy hoạch vào các khu đất đã được quy hoạch cho nhiệm vụ quốc phòng.

### *6.3. Quy hoạch sử dụng đất*

- Nghiên cứu định hướng sử dụng đất, tính toán sắp xếp tính kết nối vùng, khu vực đảm bảo tính kế thừa và phát triển hài hòa với các quy hoạch ngành, lĩnh vực và các khu vực xung quanh; phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

- Đề xuất phương án quy hoạch sử dụng đất trên cơ sở phù hợp với định hướng phân khu chức năng theo nguyên tắc khai thác triệt để quỹ đất, tận dụng cảnh quan, thuận lợi cho đầu tư xây dựng và phân kỳ đầu tư.

- Xác định ranh giới các khu vực trong phạm vi lập quy hoạch theo tính chất và chức năng sử dụng đất.

- Xác định các chức năng, chỉ tiêu sử dụng đất: Diện tích, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, chiều cao xây dựng, chỉ giới xây dựng công trình; xác định quy mô và chỉ tiêu sử dụng đất các công trình ngầm.

- Dự kiến cân bằng sử dụng đất và phân khu chức năng theo yêu cầu phát triển của từng giai đoạn.

### *6.4. Thiết kế đô thị*

- Xác định vùng kiến trúc, cảnh quan trong đô thị. Định hướng về hình ảnh đô thị và không gian kiến trúc theo tính chất, mục tiêu phát triển của từng khu vực.

- Tổ chức không gian các khu trung tâm, cửa ngõ đô thị, các trục không gian chính, quảng trường.

- Tổ chức không gian cây xanh mặt nước.

### *6.5. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật*

#### *a) Giao thông*

- Xác định mạng lưới và các công trình giao thông đối ngoại; Mạng lưới giao

thông đô thị; Nghiên cứu xác định các tuyến đường cần điều chỉnh mặt cắt theo quy hoạch phù hợp với thực tế. Xác định các nút giao thông quan trọng, các công trình giao thông quan trọng, các hệ thống bến xe, bãi đỗ xe, hệ thống giao thông tĩnh.

- Xác định tọa độ mốc thiết kế theo tim đường tại các nút giao nhau của các tuyến đường chính đô thị.
- Xác định chi tiết mặt cắt ngang các loại đường chính đô thị; Quy hoạch chỉ giới đường đỏ các trục giao thông chính;
- Xác định khối lượng đầu tư, khái toán kinh phí thực hiện.

#### b) Chuẩn bị kỹ thuật

- Tôn trọng các điều kiện hiện trạng sử dụng đất, các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đã và đang được triển khai trong khu vực; tính toán phân chia các vị trí xây dựng thuận lợi, khu cấm xây dựng và các khu dự trữ phát triển đô thị.
- Dựa vào điều kiện địa hình để tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật hợp lý, bố trí đầy đủ các khu chức năng của đô thị.
- Khu vực lập quy hoạch có địa hình tương đối phức tạp vì thế cần khai thác tối đa quỹ đất để bố trí các hạng mục công trình kỹ thuật và tổ chức đấu nối hợp lý với các công trình hạ tầng đô thị trong khu vực lập quy hoạch.

- Quy hoạch cốt xây dựng không chế của từng khu vực xây dựng cụ thể và các tuyến đường phố chính cấp đô thị, xác định khối lượng đào đắp của từng khu vực cụ thể và tổng khối lượng đào đắp của toàn đô thị.

- Xác định khối lượng đầu tư và khái toán kinh phí thực hiện.

#### c) Thoát nước mưa

- Xác định chỉ tiêu, các lưu vực thoát nước, mạng lưới thoát nước và nguồn tiếp nhận nước mặt; vị trí, quy mô các công trình đầu mối tiêu thoát chính.
- Giai đoạn đầu hệ thống thoát nước trong khu vực là hệ thống thoát nước chung, giai đoạn sau nghiên cứu là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.
- Việc tiêu thoát nước không những bảo đảm tiêu thoát toàn bộ lượng nước mưa trong khu vực mà còn phải bảo đảm tiêu thoát nước cho các khu vực lân cận.
- Xác định khối lượng đầu tư và khái toán kinh phí thực hiện.

#### d) Cấp nước

- Xác định chỉ tiêu cấp nước, dự báo nhu cầu sử dụng nước.
- Xác định các nguồn cấp nước.
- Xác định phân vùng cấp nước; Vị trí và quy mô các công trình thu, các công trình xử lý nước, công trình điều hòa, tăng áp.
- Lựa chọn công nghệ xử lý nước sạch; Mạng lưới đường ống truyền dẫn

chính từ cấp 2 trở lên; các tuyến chuyển tải nước.

- Xác định khối lượng đầu tư và khái toán kinh phí thực hiện.

*c) Cấp điện*

- Xác định chỉ tiêu cấp điện, dự báo nhu cầu sử dụng điện

- Xác định vị trí, công suất điện áp nguồn điện, mạng lưới cung cấp và phân phối từ trung áp trở lên, các trạm lưới.

- Xác định nhu cầu sử dụng điện và phụ tải của từng loại hình chức năng trong khu vực lập quy hoạch.

- Mạng lưới cấp điện: Trạm điện, trạm phân phối, các tuyến đường dây cấp điện, bố trí hệ thống chiếu sáng.

- Xác định chỉ tiêu chiếu sáng cho các đối tượng được chiếu sáng; dự báo nhu cầu điện năng chiếu sáng cho toàn đô thị.

- Đề xuất các giải pháp chiếu sáng cho các công trình giao thông, không gian công cộng, chiếu sáng mặt ngoài công trình, chiếu sáng quảng cáo, khu vực lễ hội, các khu chức năng trong đô thị và các giải pháp về nguồn điện, nguồn sáng, lưới điện, lựa chọn thiết bị chiếu sáng.

- Xác định khối lượng đầu tư và khái toán kinh phí thực hiện.

*d) Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang*

- Xác định chỉ tiêu, dự báo nguồn, khối lượng nước thải và chất thải rắn.

- Tính toán hệ thống thoát nước thải cho từng khu vực trong đô thị, xác định vị trí, công suất, quy mô của trạm làm sạch, trạm bơm.

- Đề xuất giải pháp tổ chức thu gom và quản lý chất thải rắn. Xem xét vị trí các điểm trung chuyển chất thải rắn.

- Dự báo nhu cầu an táng cho toàn đô thị, các yêu cầu về sử dụng quỹ đất, lựa chọn hình thức an táng.

- Xác định vị trí, quy mô các nghĩa trang, đề xuất mô hình nghĩa trang của từng giai đoạn.

*e) Thông tin liên lạc*

- Dự báo nhu cầu sử dụng dịch vụ, đề xuất phương án công nghệ, lựa chọn xây dựng mạng truyền thông, quy hoạch mạng lưới.

- Đánh giá, lựa chọn giải pháp công nghệ, dịch vụ thông tin liên lạc. Xác định mạng, chuyển mạch, mạng dịch vụ viễn thông, mạng ngoại vi và hệ thống truyền dẫn.

- Quy hoạch công trình hạ tầng viễn thông thụ động tại các khu vực thị trấn Thuận Châu, đảm bảo mạng lưới thông tin liên lạc và phát triển các dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu về cảnh quan đô thị.

*f) Tổng hợp đường dây đường ống kỹ thuật* ✓

- Bố trí sắp xếp, vị trí các tuyến hào, tuynel kỹ thuật, đường dây, đường ống và các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật trên mặt bằng, đặc biệt trên các đường phố chính quy hoạch xây dựng mới.

- Xác định kích thước và khoảng cách giữa các tuyến với các công trình khác trong giới hạn chỉ giới đường đỏ trên mặt cắt ngang đường.

- Tại các nút giao nhau phức tạp cần thể hiện sơ đồ để xác định độ sâu và khoảng cách đứng giữa các tuyến đường dây, đường ống kỹ thuật.

## **7. Đánh giá môi trường chiến lược**

Đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch đô thị và đề xuất các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ về việc thẩm định phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng.

## **8. Kinh tế đô thị**

- Tổng hợp các chi phí đầu tư, đưa ra giải pháp thực hiện và hiệu quả đạt được về mặt kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, ổn định xã hội.

- Luận cứ xác định danh mục các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo các giai đoạn quy hoạch.

- Đề xuất kiến nghị nguồn lực thực hiện.

## **9. Thành phần hồ sơ bao gồm**

### *9.1. Thành phần hồ sơ bản vẽ*

STT	Tên sản phẩm	Ký hiệu	Tỉ lệ
A	<b>Phản bản vẽ</b>		
1	Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng	QH - 01	1/10.000- 1/25.000
2	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, hạ tầng xã hội và đánh giá đất xây dựng	QH - 02	1/5.000
3	Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật	QH - 03	1/5.000
4	Sơ đồ cơ cấu phát triển đô thị	QH - 04	Thích hợp
5	Bản đồ định hướng phát triển không gian đô thị	QH - 05	1/5.000
6	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng theo các giai đoạn quy hoạch	QH - 06	1/5.000
7	Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:		
a	<i>Bản đồ quy hoạch giao thông</i>	<i>QH - 07A</i>	<i>1/5.000</i>

STT	Tên sản phẩm	Ký hiệu	Tỉ lệ
b	Bản đồ quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật và thoát nước mưa	QH -07B	1/5.000
c	Bản đồ quy hoạch cấp nước	QH -07C	1/5.000
d	Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường	QH -07D	1/5.000
e	Bản đồ quy hoạch cấp điện và chiếu sáng	QH -07E	1/5.000
f	Bản đồ quy hoạch thông tin liên lạc	QH -07F	1/5.000
8	Các bản vẽ thiết kế đô thị	QH - 08	Thích hợp
9	Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược	QH - 09	Thích hợp
<b>B</b>	<b>Phản thuyết minh, văn bản, lưu trữ</b>		
1	Thuyết minh tổng hợp và phụ lục kèm theo		
2	Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch		
3	Đĩa CD lưu trữ hồ sơ đồ án quy hoạch		

Số lượng 10 bộ hồ sơ bản vẽ quy hoạch.

#### 9.2. Phản văn bản

- Thuyết minh tổng hợp; thuyết minh tóm tắt.
- Dự thảo Tờ trình xin phê duyệt quy hoạch.
- Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch.
- Dự thảo Quy định quản lý quy hoạch.
- Các văn bản pháp lý có liên quan.

#### 9.3. Các yêu cầu về hồ sơ

- Bản đồ trong thuyết minh được thu nhỏ theo khổ giấy A3, in màu;
- Bản đồ dùng cho việc báo cáo thẩm định, phê duyệt, in màu đúng tỷ lệ;
- Số lượng tài liệu dùng cho báo cáo thẩm định tuỳ theo yêu cầu tổ chức hội nghị, quy trình lấy ý kiến;
- Hồ sơ trình duyệt lập thành 10 bộ (10 bộ hồ sơ màu, trong đó trình xin ý kiến, thẩm định 03 bộ và giao nộp sản phẩm 07 bộ);
- 10 đĩa CD ghi toàn bộ file bản vẽ, thuyết minh, file PDF scan bản vẽ và các văn bản liên quan.

#### 9.4. Yêu cầu về hồ sơ khảo sát địa hình

- a) Hồ sơ trình duyệt thẩm định: 01 bộ, bao gồm:

- Phương án kỹ thuật khảo sát đo vẽ địa hình được duyệt.

- Báo cáo kỹ thuật khảo sát vẽ địa hình.
- Bản đồ khảo sát vẽ địa hình tỷ lệ 1/5.000.

b) Sản phẩm giao nộp:

- Phương án kỹ thuật đo vẽ: 07 bộ.
- Bản đồ khảo sát, báo cáo kỹ thuật đo vẽ, đĩa CD: 07 bộ.

## **10. Dự toán kinh phí**

### *10.1. Căn cứ lập dự toán*

- Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;
- Căn cứ khối lượng công việc thực hiện theo yêu cầu lập quy hoạch.

### *10.2. Dự toán chi tiết*

Giá trị dự toán lập quy hoạch: 3.980.199.000 đồng (*Ba tỷ, chín trăm tám mươi triệu, một trăm chín mươi chín nghìn đồng*)

Trong đó:

- Chi phí khảo sát:	1.055.770.581 đồng
- Chi phí lập quy hoạch:	2.092.744.500 đồng
- Chi phí lập dữ liệu thông tin địa lý (GIS):	209.274.450 đồng
- Chi phí lập nhiệm vụ:	26.535.075 đồng
- Chi phí thẩm định nhiệm vụ:	5.307.015 đồng
- Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch:	108.347.280 đồng
- Chi phí lấy ý kiến cộng đồng dân cư:	38.049.900 đồng
- Chi phí quản lý quy hoạch:	100.737.300 đồng
- Chi phí công bố quy hoạch:	57.074.850 đồng
- Chi phí lập hồ sơ mời thầu	3.052.536 đồng
- Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu	1.526.268 đồng
- Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu	3.052.536 đồng
- Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	1.526.268 đồng
- Chi phí cắm biển pano công bố QH ( <i>tạm tính</i> ):	66.000.000 đồng
- Chi phí cắm mốc quy hoạch ( <i>tạm tính</i> ):	211.200.000 đồng

*10.3. Nguồn vốn:* Vốn ngân sách huyện Thuận Châu năm 2022 và 2023.

**11. Thời gian lập quy hoạch:** Không quá 09 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng tư vấn lập quy hoạch.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:** *q/*

1. Giao UBND huyện Thuận Châu tổ chức triển khai công tác lập quy hoạch đảm bảo chất lượng, tiến độ và tuân thủ quy định hiện hành.

2. Giao Sở Xây dựng tổ chức thẩm định đồ án quy hoạch đảm bảo theo các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT, Giao thông vận tải, Xây dựng, Công thương, Nội vụ, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Lao động – Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền Thông; Chủ tịch UBND huyện Thuận Châu; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.9K

**Noi nhận:**

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh văn phòng UBND tỉnh;
- Như điều 3 (t/h);
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT (Quý-3b).25b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Minh